



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ  
TRƯỜNG GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---

## MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u>  | <u>Trang</u> |
|--|--------------|
| Báo cáo của Tổng Giám đốc  | 2 - 4        |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét  | 5 - 6        |
| Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét   | 7-39         |
| <i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>   | <i>7-10</i>  |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i> | <i>111</i>   |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>           | <i>12-13</i> |
| <i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>    | <i>14-39</i> |

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xây Dựng và Đầu tư Trường Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0105787835 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/02/2012.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp 05 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần bổ sung. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 06 số 0105787835 được cấp ngày 14 tháng 9 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ.

***Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 6: 272.999.900.000 VND***

### **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Email : [truonggiang2012.group@gmail.com](mailto:truonggiang2012.group@gmail.com)  
Mã số thuế : 0105787835

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 39).

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **Hội đồng quản trị và điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

| <u>Họ và tên</u>      | <u>Chức vụ</u> |                                      |
|-----------------------|----------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Cảnh Đình  | Chủ tịch HĐQT  |                                      |
| Ông Trương Đình Chuẩn | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Lê Xuân Bình      | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Phùng Văn Xuân    | Thành viên     | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2019   |
| Ông Vũ Tuấn Mạnh Linh | Thành viên     |                                      |
| Bà Phạm Thị Thủy      | Thành viên     | Miễn nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2019 |

#### **Ban kiểm soát**

| <u>Họ và tên</u>     | <u>Chức vụ</u>       |                                      |
|----------------------|----------------------|--------------------------------------|
| Ông Đặng Quang Trung | Trưởng ban kiểm soát | Miễn nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2019 |
| Ông Phạm Việt Thắng  | Thành viên           | Miễn nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2019 |
| Bà Nguyễn Thị Đông   | Thành viên           | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2019   |
| Bà Nguyễn Thị Thu    | Thành viên           | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2019   |
| Bà Khuất Thư Hương   | Thành viên           |                                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Tổng Giám đốc**

| <u>Họ và tên</u>      | <u>Chức vụ</u> |                                      |
|-----------------------|----------------|--------------------------------------|
| Ông Trương Đình Chuẩn | Tổng Giám đốc  | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2019 |
| Ông Phùng Văn Xuân    | Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2019   |
| Bà Khuất Thu Hương    | Kế toán trưởng |                                      |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Xác nhận của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập và trình bày BCTC tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC tổng hợp giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC tổng hợp giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC tổng hợp giữa niên độ.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Cam kết khác**

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

**Tổng Giám đốc**



**Phùng Văn Xuân**

Số : 1006.01.01/2019/BCTC-NVT2  
Ngày : 14 tháng 8 năm 2019

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây Dựng và Đầu tư Trường Giang**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Đầu tư Trường Giang, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2019 từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Dựng và Đầu tư Trường Giang chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
T (84-24) 3761 3399 F (84-24) 3761 5599 W www.ntv.vn E vpa@ntv.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



---

**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNDKHNKT số: 1690-2018-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   |  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm            |
|---|--|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         |  | <b>100</b> |             | <b>126.869.162.694</b> | <b>82.683.564.161</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        |  | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>296.775.833</b>     | <b>1.286.523.627</b>  |
| 1. Tiền   |  | 111        |             | 296.775.833            | 1.286.523.627         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       |  | 112        |             | -                      | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                |  | <b>120</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>              |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           |  | 121        |             | -                      | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         |  | 122        |             | -                      | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  |  | 123        |             | -                      | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             |  | <b>130</b> |             | <b>110.736.165.612</b> | <b>67.689.583.305</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 |  | 131        | V.2         | 52.868.945.299         | 60.546.100.805        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 |  | 132        | V.3         | 1.116.653.000          | 953.104.000           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         |  | 133        |             | -                      | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng |  | 134        |             | -                      | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     |  | 135        |             | -                      | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           |  | 136        | V.4         | 56.750.567.313         | 6.190.378.500         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               |  | 137        |             | -                      | -                     |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          |  | 139        |             | -                      | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             |  | <b>140</b> |             | <b>15.510.100.656</b>  | <b>13.542.797.744</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     |  | 141        | V.5         | 15.510.100.656         | 13.542.797.744        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   |  | 149        |             | -                      | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     |  | <b>150</b> |             | <b>326.120.593</b>     | <b>164.659.485</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       |  | 151        | V.6a        | 16.250.784             | 30.448.527            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              |  | 152        |             | 309.869.809            | 134.210.958           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         |  | 153        |             | -                      | -                     |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       |  | 154        |             | -                      | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            |  | 155        |             | -                      | -                     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>181.885.909.853</b> | <b>226.848.707.734</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>2.725.241.523</b>   | <b>3.037.665.555</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.7         | 2.725.241.523          | 3.037.665.555          |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 4.314.234.546          | 4.314.234.546          |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (1.588.993.023)        | (1.276.568.991)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>31.308.294.824</b>  | <b>30.656.508.499</b>  |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.8         | 31.308.294.824         | 30.656.508.499         |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | V.9         | <b>134.345.880.005</b> | <b>179.474.880.005</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | 120.650.000.000        | 165.779.000.000        |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | 14.000.000.000         | 14.000.000.000         |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.9         | (304.119.995)          | (304.119.995)          |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>13.506.493.501</b>  | <b>13.679.653.675</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.6b        | 13.506.493.501         | 13.679.653.675         |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>308.755.072.547</b> | <b>309.532.271.895</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2

**Bảng cân đối kế toán (tổng hợp giữa niên độ) (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|   |            |             |                       |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>23.041.774.628</b> | <b>25.195.140.156</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>21.366.775.828</b> | <b>23.333.457.856</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.10        | 15.456.529.218        | 16.746.212.161        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.11        | 1.091.025.903         | 1.367.778.641         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | -                     | -                     |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.12        | -                     | 21.325.800            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                     | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.13a       | 2.139.256.883         | 2.554.109.892         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.14a       | 1.345.417.096         | 1.484.342.092         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.15        | 1.334.546.728         | 1.159.689.270         |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>1.674.998.800</b>  | <b>1.861.682.300</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.13b       | 400.000.000           | -                     |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.14b       | 1.274.998.800         | 1.861.682.300         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

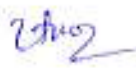
| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>285.713.297.919</b> | <b>284.337.131.739</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.16</b> | <b>285.713.297.919</b> | <b>284.337.131.739</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 272.999.900.000        | 272.999.900.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 272.999.900.000        | 272.999.900.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 2.889.093.455          | 2.361.378.540          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 9.824.304.464          | 8.975.853.199          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 8.184.280.826          | 3.698.704.045          |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 1.640.023.638          | 5.277.149.154          |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>308.755.072.547</b> | <b>309.532.271.895</b> |

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Xuân

Khuất Thu Hương

Khuất Thu Hương



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
|  |       |             | Năm nay                           | Năm trước            |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 22.914.262.849                    | 50.291.832.891       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                                 | -                    |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 22.914.262.849                    | 50.291.832.891       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 22.159.277.441                    | 46.683.600.232       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 754.985.408                       | 3.608.232.659        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 2.584.150.566                     | 1.676.659.715        |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 209.989.783                       | 272.213.207          |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 209.989.783                       | 272.213.207          |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -                                 | -                    |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.5        | 1.021.635.119                     | 1.147.947.112        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 2.107.511.072                     | 3.864.732.055        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    |             | -                                 | -                    |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.6        | 38.740.172                        | 37.895.171           |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (38.740.172)                      | (37.895.171)         |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 2.068.770.900                     | 3.826.836.884        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | VI.7        | 428.747.262                       | 780.180.917          |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                                 | -                    |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>1.640.023.638</u>              | <u>3.046.655.967</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.8        | <u>57,07</u>                      | <u>106,02</u>        |

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Khuất Thu Hương

Khuất Thu Hương

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Xuân

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND                  |                         |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
|   |           |             | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                         |
|   |           |             | Năm nay                           | Năm trước               |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                                   |                         |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |             | 29.460.387.613                    | 45.703.589.092          |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |             | (24.232.426.649)                  | (51.664.049.391)        |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động  | 03        |             | (484.460.278)                     | (1.016.560.155)         |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        |             | (209.989.783)                     | (272.213.207)           |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 05        |             | (705.500.000)                     | (1.330.000.000)         |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 06        |             | 1.769.976.600                     | 6.240.109.863           |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |             | (5.005.532.838)                   | (9.427.278.701)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>592.454.665</b>                | <b>(11.766.402.499)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                                   |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |             | (856.621.143)                     | (958.083.636)           |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | -                                 | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | -                                 | (3.000.000.000)         |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | -                                 | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |             | -                                 | (14.000.000.000)        |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |             | -                                 | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |             | 27.180                            | 315.161.242             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>(856.593.963)</b>              | <b>(17.642.922.394)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

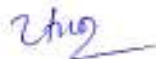
| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                         |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
|  |           |             | Năm nay                           | Năm trước               |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                                   |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             |                                   | -                       |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             |                                   | -                       |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             |                                   |                         |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | (725.608.496)                     | (706.025.196)           |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             |                                   | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             |                                   | -                       |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <i>40</i> |             | <i>(725.608.496)</i>              | <i>(706.025.196)</i>    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(989.747.794)</b>              | <b>(30.115.350.089)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.I</b>  | <b>1.286.523.627</b>              | <b>37.690.424.127</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                                 | -                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.I</b>  | <b>296.775.833</b>                | <b>7.575.074.038</b>    |

Người lập biểu



Khuất Thu Hương

Kế toán trưởng



Khuất Thu Hương

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Xuân



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, thương mại, dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** :  
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
  - Xây dựng, hoàn thiện, lắp đặt nhà các loại, các công trình công nghiệp, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, điều hòa không khí ;
  - Trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác các loại nông sản, thủy hải sản;
  - Chăn nuôi gia súc, gia cầm./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:** Công ty có 2 chi nhánh

### **6. Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Các đơn vị trực thuộc:*

| Tên đơn vị   | Địa chỉ  |
|--|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang tại Phú Thọ  | Tiểu khu 48, xã Quán Khê, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ                     |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang tại Hòa Bình | Xóm Phương Viên, Xã Tân Thành, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam. |

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTCTH:** Số liệu BCTC tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và BCTC tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Kỷ kế toán năm**  
Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

##### ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- + Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- + Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10       |



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### **b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp ( bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

##### *Chi phí sửa chữa lớn*

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí thuê mặt bằng*

Chi phí thuê diện tích mặt bằng để làm văn phòng và cho thuê tại tòa nhà SME Hoàng Gia với Công ty Cổ phần tập đoàn BDS Hoàng Gia, thời gian phân bổ 504 tháng tương ứng với thời hạn thuê từ tháng 7/2016 đến hết tháng 6/2058.

#### **8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

##### ***Các quỹ khác***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

##### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **a) Doanh thu bán hàng, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

#### **b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

#### **c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

### **14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                    | <u>Số cuối kỳ</u>         | <u>Số đầu năm</u>           |
|--------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt           | 283.896.175               | 1.274.615.453               |
| Tiền gửi ngân hàng | 12.879.658                | 11.908.174                  |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>296.775.833</u></b> | <b><u>1.286.523.627</u></b> |

**2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</i> | <i>32.191.673.050</i>        | <i>29.434.266.943</i>        |
| Công ty Cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP                  | 11.550.000                   | -                            |
| Công ty cổ phần tập đoàn BĐS Hoàng Gia                       | 5.370.607.958                | 5.370.607.958                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển 299                        | 14.591.119.534               | 9.808.309.400                |
| Công ty xây dựng Trường Giang                                | 12.218.395.558               | 14.255.349.585               |
| <i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác</i>                 | <i>20.677.272.249</i>        | <i>31.111.833.862</i>        |
| Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh tài sản F89             | 2.552.538.400                | 2.552.538.400                |
| Công ty Cổ phần SANA Việt Nam                                | 4.259.853.000                | 4.259.853.000                |
| Công ty TNHH Thịnh Phát                                      | 3.863.900.000                | 7.657.900.000                |
| Công ty cổ phần DELEX Việt Nam                               | 4.139.000.000                | -                            |
| Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng GDM                        | 5.808.132.849                | 5.808.132.849                |
| Các khách hàng khác  | 53.848.000                   | 10.833.409.613               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>52.868.945.299</u></b> | <b><u>60.546.100.805</u></b> |

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>         |
|---|-----------------------------|---------------------------|
| Công ty cổ phần truyền thông việt đồng hành cùng doanh nghiệp | -                           | 240.000.000               |
| Công ty TNHH kiến trúc và chuyên giao công nghệ Hà Nội        | 1.000.000.000               | 600.000.000               |
| Các nhà cung cấp khác   | 116.653.000                 | 113.104.000               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>1.116.653.000</u></b> | <b><u>953.104.000</u></b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****4. Phải thu khác ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|-----------------------|----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>  | <b>8.820.536.900</b>  | <b>6.190.378.500</b> |
| Ông Trương Đình Chuẩn - Phải thu về tạm ứng  | -                     | 400.000.000          |
| Ông Nguyễn Cảnh Đình - Phải thu về tạm ứng   | 2.045.158.400         | 515.000.000          |
| Ông Nguyễn Cảnh Đình - Tiền chi hộ giải phóng mặt bằng dự án                                   | 5.275.378.500         | 5.275.378.500        |
| Ông Phùng Văn Xuân - Phải thu về tạm ứng   | 1.500.000.000         | -                    |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>  | <b>47.930.030.413</b> | -                    |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển tài nguyên Môi Trường Đông Nam Á - Lãi Hợp tác kinh doanh | 1.250.030.413         | -                    |
| Tạm ứng  | 600.000.000           | -                    |
| Ông Trương Quang Lượng (1)   | 26.880.000.000        | -                    |
| Ông Trương Quang Sang (2)  | 19.200.000.000        | -                    |
| <b>Cộng</b>  | <b>56.750.567.313</b> | <b>6.190.378.500</b> |

(1) Phải thu Ông Trương Quang Lượng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02./2019/HDCN ngày 3/5/2019 chuyển nhượng 2.800.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 26.880.000.000 VND.

(2) Phải thu Ông Trương Quang Sang theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01./2019/HDCN ngày 3/5/2019 chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 19.200.000.000 VND.

**5. Hàng tồn kho**

|                                      | <u>Số cuối kỳ</u>     |                 | <u>Số đầu năm</u>     |                 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|                                      | <u>Giá gốc</u>        | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u>        | <u>Dự phòng</u> |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 2.306.029.519         | -               | 2.342.887.314         | -               |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.520.266.395         | -               | 2.092.307.941         | -               |
| Hàng hóa                             | 11.683.804.742        | -               | 9.107.602.489         | -               |
| <b>Cộng</b>                          | <b>15.510.100.656</b> | -               | <b>13.542.797.744</b> | -               |

**6. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                 | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Công cụ dụng cụ | 4.599.270         | 30.448.527        |
| Phi và bảo hiểm | 11.651.514        | -                 |
| <b>Cộng</b>     | <b>16.250.784</b> | <b>30.448.527</b> |

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuê điện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia | 13.506.493.501        | 13.679.653.675        |
| <b>Cộng</b>  | <b>13.506.493.501</b> | <b>13.679.653.675</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Là phương tiện vận tải, truyền dẫn:

|                   | <u>Nguyên giá</u>    | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|-------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm        | 4.314.234.546        | 1.276.568.991         | 3.037.665.555          |
| Tăng do mua mới   | -                    | -                     | -                      |
| Khấu hao trong kỳ | -                    | 312.424.032           | 312.424.032            |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b>4.314.234.546</b> | <b>1.588.993.023</b>  | <b>2.725.241.523</b>   |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 2.922.883.637 VND và 1.825.427.804 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Thăng Long, Ngân hàng TMCP Quốc dân – Chi nhánh Hà Nội.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|  | <u>Số đầu năm</u>     | <u>Số phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Số cuối kỳ</u>     |
|--|-----------------------|-------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang  | 30.656.508.499        | 651.786.325                   | -                                    | 31.308.294.824        |
| <i>Dự án trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp(*)</i>                          | <i>29.382.618.653</i> | <i>18.461.137</i>             | -                                    | <i>29.401.079.790</i> |
| <i>Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời – Suối Tiên, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ (**)</i> | <i>1.273.889.846</i>  | <i>633.325.188</i>            | -                                    | <i>1.907.215.034</i>  |
| <b>Cộng</b>  | <b>30.656.508.499</b> | <b>651.786.325</b>            | -                                    | <b>31.308.294.824</b> |

(\*) Công ty đang thực hiện dự án “Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp” theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000446 của UBND tỉnh Hòa Bình. Theo Giấy chứng nhận đầu tư, thời gian dự kiến nghiệm thu đưa vào khai thác trong quý II/2016. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại dự án vẫn chưa thực hiện xong và đang tạm ngừng thi công. Công ty đã được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp quyết định số 98/QĐ-SKHDT về việc chấp thuận đề nghị giãn tiến độ đầu tư dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp đến tháng 4 năm 2018. Đến thời điểm hiện tại theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 1805/2018/HĐQT-TG ngày 18 tháng 05 năm 2018 về việc điều chỉnh dự án đầu tư, ngày 29 tháng 5 năm 2018 đơn vị đã gửi văn bản điều chỉnh dự án đầu tư cho sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình về việc thay đổi trụ sở chính của nhà đầu tư, điều chỉnh mục tiêu và quy mô dự án, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án, các thủ tục đang được tỉnh Hòa Bình xem xét, phê duyệt. Công ty thực hiện ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển tài nguyên Môi Trường Đông Nam Á và cho phép Công ty Đông Nam Á sử dụng diện tích đất dự trữ của dự án cụ thể: Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/TG-DNA ngày 5/11/2018 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang và Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển tài nguyên Môi Trường Đông Nam Á. Công ty sử dụng phần đất dự trữ phát triển của dự án với diện tích 4ha nằm trong tổng diện tích 18ha tại xóm Phương Viên xã Tân Thành huyện Lương Sơn – tỉnh Hòa Bình, để hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển tài nguyên Môi Trường Đông Nam Á. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển tài nguyên Môi Trường Đông Nam Á được toàn quyền sử dụng khu đất dự trữ phát triển thuộc dự án, kết hợp sử dụng các tài sản trên đất do Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang đã đầu tư như: Cổng, tường rào, trạm biến áp, nhà điều hành để phục vụ cho mục đích nông nghiệp (bao gồm trồng cây, chăn nuôi theo quy mô nhỏ...) đảm bảo tuân thủ trong khuôn khổ các quy định về dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thời gian hợp tác kinh doanh là 3 năm tính từ ngày 15/11/2018 đến hết ngày 14/11/2021 và có thể gia hạn hoặc thanh lý theo sự thỏa thuận bằng văn bản giữa hai bên. Mỗi năm, và Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển tài nguyên Môi Trường Đông



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Nam Á trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang một khoản tiền tương đương 8,5% giá trị Công ty Trường Giang đã đầu tư, giá trị được xác định là 29.249.980.408 VND.

(\*\*) Công ty đang thực hiện dự án “Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời – Suối Tiên, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ” theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2326622576 của UBND tỉnh Hòa Bình. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

+ Giai đoạn I (2017-2020): Thực hiện giải phóng mặt bằng và xây dựng khu hành chính dịch vụ, hạ tầng quản lý bảo vệ rừng. Vốn đầu tư: 118.818,3 triệu đồng. Trong đó, tiến độ thực hiện các thủ tục về quy hoạch, đất đai, xây dựng hoàn thành trước tháng 9/2019.

+ Giai đoạn II (2020-2025): Thực hiện các hạng mục còn lại. Vốn đầu tư: 174.53,2 triệu đồng

Hiện nay Dự án đã triển khai thực hiện các hạng mục Công việc như sau:

Về thủ tục đầu tư: Chủ đầu tư đã Hoàn thành toàn bộ đồ án quy hoạch phân khu xây dựng TL 1/2000 được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt. Đã Hoàn thành toàn bộ hồ sơ nhiệm vụ quy chi tiết xây dựng TL 1/500 và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định để phê duyệt.

Về đất đai: Chủ đầu tư đã Hoàn thành, nghiệm thu công trình đo đạc, lập bản đồ địa chính TL 1/500 phục vụ công tác đền bù, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đã được sở TN&MT tỉnh Phú Thọ thẩm định tại Văn bản số 105/TNMT – ĐĐBĐ ngày 16/01/2018.

Ủy ban nhân dân huyện Hạ Hòa đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời – Suối Tiên huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tại quyết định số 4161/QĐ – UBND ngày 20/09/2018.

**9. Đầu tư tài chính dài hạn**

|   | Số cuối kỳ             |                      |                        | Số đầu năm             |                      |                        |
|---|------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|   | Giá gốc                | Dự phòng             | Giá trị hợp lý         | Giá gốc                | Dự phòng             | Giá trị hợp lý         |
| <b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>        | <b>120.650.000.000</b> | -                    | <b>120.650.000.000</b> | <b>165.779.000.000</b> | -                    | <b>165.779.000.000</b> |
| Công ty cổ phần Thương mại và du lịch Kim Bôi (1)     | 44.650.000.000         | -                    | 44.650.000.000         | 44.650.000.000         | -                    | 44.650.000.000         |
| Công ty cổ phần sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ (2) | -                      | -                    | -                      | 45.129.000.000         | -                    | 45.129.000.000         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển 299 (3)             | 76.000.000.000         | -                    | 76.000.000.000         | 76.000.000.000         | -                    | 76.000.000.000         |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                 | <b>14.000.000.000</b>  | <b>(304.119.995)</b> | <b>13.695.880.005</b>  | <b>14.000.000.000</b>  | <b>(304.119.995)</b> | <b>13.695.880.005</b>  |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia (4)   | 14.000.000.000         | (304.119.995)        | 13.695.880.005         | 14.000.000.000         | (304.119.995)        | 13.695.880.005         |
| <b>Cộng</b>   | <b>134.650.000.000</b> | <b>(304.119.995)</b> | <b>134.345.880.005</b> | <b>179.779.000.000</b> | <b>(304.119.995)</b> | <b>179.474.880.005</b> |

(1) Trong năm 2016, Công ty có đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại và du lịch Kim Bôi theo Nghị quyết số 18/06/TG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2016, giá trị vốn góp là 47.000.000.000 VND, chiếm 51,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại và du lịch Kim Bôi (trong đó mua của ông Nguyễn Cảnh Dinh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty 260.000 cổ phiếu với giá trị 32.000.000.000 VND, mua của Công ty Xây dựng Trường Giang 150.000 cổ phiếu với giá 15.000.000.000 VND). Công ty Cổ phần Thương mại và du lịch Kim Bôi đã thực hiện chuyển đổi mệnh giá cổ phần từ 100.000 VND/cổ phần thành 10.000 VND/cổ phần theo đó số cổ phần sở hữu của Công ty là 4.100.000 cổ phần. Cũng trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phương án thoái một phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Thương mại và du lịch Kim Bôi theo Nghị quyết 421/2016/TG/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2016 và hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 06 tháng 12 năm 2016 cho Ông Nguyễn Văn Dương. Số cổ phần đã



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

thoái là 205.000 cổ phần, tương ứng với giá trị là 2.350.000.000 VND. Tổng vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Kim Bôi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 44.650.000.000 VND, tương ứng với 3.895.000 cổ phần, đạt 48,69% vốn điều lệ.

(2) Trong năm 2017, Công ty thực hiện mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ theo Nghị quyết số 02/2017/HĐQT – TG ngày 01 tháng 7 năm 2017, giá trị hợp đồng 45.129.000.000 VND để mua lại 4.800.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 48% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ (trong đó mua của ông Trần Quang Tiếp 2.000.000 cổ phiếu với giá trị 18.800.000.000 VND, mua của Ông Phạm Đình Ngọc 2.800.000 cổ phiếu với giá 26.329.000.000 VND). Tổng vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 48.000.000.000 VND, tương ứng với 4.800.000 cổ phần, đạt 48% vốn điều lệ. Công ty đã thanh toán đầy đủ số tiền theo giá trị hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho Ông Trần Quang Tiếp và Ông Phạm Đình Ngọc. Trong năm 2019, theo quyết định Hội đồng quản trị số 07/2019/NQ-HĐQT-TG về thoái toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ. (Xem Thuyết minh V.4).

(3) Trong năm 2018, Công ty thực hiện mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 299 theo Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐQT-TG ngày 20 tháng 12 năm 2018, giá trị hợp đồng là 76.000.000.000 VND để mua lại 8.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 299 (trong đó mua của Ông Nguyễn Văn Dương 3.500.000 cổ phiếu với giá trị 33.250.000.000 VND, mua của Ông Ngô Văn Phương 4.500.000 cổ phiếu với giá trị 42.750.000.000 VND). Tổng vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 299 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 8.000.000 cổ phần, đạt 40% vốn điều lệ. Công ty đã thanh toán đầy đủ số tiền theo giá trị hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho Ông Nguyễn Văn Dương và Ông Ngô Văn Phương.

(4) Trong năm 2018, Công ty thực hiện mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất Động Sản Hoàng Gia theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 28 tháng 03 năm 2018, giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang và Ông Nguyễn Thành Trụ, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 175.000 mệnh giá 100.000đ/cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 14.000.000.000 VND. Công ty đã thanh toán đầy đủ số tiền theo giá trị hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho Ông Nguyễn Thành Trụ.

#### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

|  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</i>    | <b>9.108.796.910</b>  | <b>1.372.588.860</b>  |
| Công ty cổ phần thương mại và du lịch Kim Bôi          | 7.747.758.050         | -                     |
| Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP            | 1.361.038.860         | 1.372.588.860         |
| <i>Phải trả người bán ngắn hạn khác</i>                | <b>6.347.732.308</b>  | <b>15.373.623.301</b> |
| Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Liên Việt | 1.442.559.887         | 10.228.450.880        |
| Công ty TNHH 1 thành viên Nghĩa Hằng                   | 1.289.417.078         | 1.539.417.078         |
| Các nhà cung cấp khác                                  | 3.615.755.343         | 3.605.755.343         |
| <b>Cộng</b>  | <b>15.456.529.218</b> | <b>16.746.212.161</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|  | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối kỳ</u>    |
|--|----------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | -                    | 2.160.000                    | (2.160.000)                     | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 1.367.778.641        | 428.747.262                  | (705.500.000)                   | 1.091.025.903        |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                    | 4.532.838                    | (4.532.838)                     | -                    |
| <b>Cộng</b>                            | <b>1.367.778.641</b> | <b>435.440.100</b>           | <b>(712.192.838)</b>            | <b>1.091.025.903</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                                    | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | -                 | 21.325.800        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>-</b>          | <b>21.325.800</b> |

**13. Phải trả khác****a) Phải trả khác ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|---|----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn  | 23.082.066           | 19.442.066           |
| Bảo hiểm xã hội   | 12.567.075           | 30.697.049           |
| Bảo hiểm y tế   | 2.622.089            | 2.744.447            |
| Bảo hiểm thất nghiệp  | 985.653              | 1.226.330            |
| Phải trả ông Nguyễn Hữu Mùa - Góp vốn dự án Ao Giời - Suối Tiên (1) | -                    | 400.000.000          |
| Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình(2)                                    | 2.100.000.000        | 2.100.000.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>2.139.256.883</b> | <b>2.554.109.892</b> |

(1) Là khoản hợp tác đầu tư dự án Khu du lịch Nghi dưỡng Ao Giời – Suối Tiên huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2811/2018-TG/HTĐT ngày 28 tháng 11 năm 2018, giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang và Ông Nguyễn Hữu Mùa. Tổng vốn đầu tư dự án theo Chứng nhận đăng ký đầu tư số 125/2017/CNĐKĐT ngày 8/9/2017 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất số 63/2018/CNĐKĐT ngày 12/10/2018 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ là 293.348,5 triệu đồng, cơ cấu vốn góp của chủ đầu tư là 30% và vốn vay bổ sung từ các nguồn khác là 70% tổng mức đầu tư dự án. Tổng vốn do các bên góp theo tỷ lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang góp 80% và Ông Nguyễn Hữu Mùa góp 20%, tiền độ góp vốn căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện dự án từ tháng 11/2017 đến hết năm 2025. Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 124/2019 – TG/HTĐT ngày 26 tháng 04 năm 2019. Công ty đã trả hết tiền cho Ông Nguyễn Hữu Mùa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

(2) Là khoản UBND tỉnh Hòa Bình hỗ trợ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang theo nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn để thực hiện dự án “Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp” tại xã Tân Thành, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại dự án vẫn chưa thực hiện xong và đã được cấp quyết định về việc chấp thuận giãn tiến độ dự án.

**b) Phải trả khác dài hạn**

|                                       | <u>Số cuối kỳ</u>  | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Góp vốn dự án Ao Giời - Suối Tiên (*) | 400.000.000        | -                 |
| Ông Ngô Văn Phương                    | 200.000.000        | -                 |
| Ông Nguyễn Văn Quang                  | 200.000.000        | -                 |
| <b>Cộng</b>                           | <b>400.000.000</b> | <b>-</b>          |

(\*) Là khoản hợp tác đầu tư dự án Khu du lịch Nghỉ dưỡng Ao Giời – Suối Tiên huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 125/2019-TG/HTĐT ngày 26/04/2019 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang và Ông Nguyễn Văn Phương và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 126/2019-TG/HTDT ngày 26/04/2019 với Ông Nguyễn Văn Quang. Tổng vốn đầu tư dự án theo Chứng nhận đăng ký đầu tư số 125/2017/CNĐKĐT ngày 8/9/2017 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ là 293.348,5 triệu đồng, cơ cấu vốn góp của chủ đầu tư là 30% và vốn vay bổ sung từ các nguồn khác là 70% tổng mức đầu tư dự án. Tổng vốn do các bên góp theo tỷ lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang góp 80% và ông Nguyễn Văn Phương góp 10%, ông Nguyễn Văn Quang góp 10%, tiến độ góp vốn căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện dự án từ tháng 11/2017 đến hết năm 2025.

**14. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>    |                        | <u>Số đầu năm</u>    |                        |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|   | <u>Giá trị</u>       | <u>Khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u>       | <u>Khả năng trả nợ</u> |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14b)            | 1.345.417.096        | 1.345.417.096          | 1.484.342.092        | 1.484.342.092          |
| Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long  | 125.416.696          | 125.416.696            | 178.541.692          | 178.541.692            |
| Vay ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Hà Nội                | 305.000.400          | 305.000.400            | 305.000.400          | 305.000.400            |
| Vay ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng - Chi nhánh Ngô Quyền | 915.000.000          | 915.000.000            | 1.000.800.000        | 1.000.800.000          |
| <b>Cộng</b>   | <b>1.345.417.096</b> | <b>1.345.417.096</b>   | <b>1.484.342.092</b> | <b>1.484.342.092</b>   |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

|   | <u>Số đầu năm</u>       | <u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u>    |
|---|-------------------------|--|------------------------------------|----------------------|
|   | Vay dài hạn đến hạn trả | 1.484.342.092                          | 586.683.500                        | (725.608.496)        |
| Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long  | 178.541.692             | 45.000.000                             | (98.124.996)                       | 125.416.696          |
| Vay ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Hà Nội                | 305.000.400             | 127.083.500                            | (127.083.500)                      | 305.000.400          |
| Vay ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng - Chi nhánh Ngô Quyền | 1.000.800.000           | 414.600.000                            | (500.400.000)                      | 915.000.000          |
| <b>Cộng</b>   | <b>1.484.342.092</b>    | <b>586.683.500</b>                     | <b>(725.608.496)</b>               | <b>1.345.417.096</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

|  | Số cuối kỳ           |                       | Số đầu năm           |                       |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|  | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <b>1.274.998.800</b> | <b>1.274.998.800</b>  | <b>1.861.682.300</b> | <b>1.861.682.300</b>  |
| Vay dài hạn ngân hàng  |                      |                       |                      |                       |
| <i>Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long (a)</i>      | 360.000.000          | 360.000.000           | 405.000.000          | 405.000.000           |
| <i>Vay ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Hà Nội (b)</i>                    | 914.998.800          | 914.998.800           | 1.042.082.300        | 1.042.082.300         |
| <i>Vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền (c)</i>     | -                    | -                     | 414.600.000          | 414.600.000           |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.274.998.800</b> | <b>1.274.998.800</b>  | <b>1.861.682.300</b> | <b>1.861.682.300</b>  |

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số LD152880084 ngày 15/5/2015, số tiền vay 425.000.000 VND, mục đích vay mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu Vios E, số khung RL4BT9F39F4016786, số máy 1NZZ325560, biển kiểm soát 30A – 857.35, giá trị tài sản đảm bảo ước tính là 534.000.000 VND.

- Theo hợp đồng tín dụng số LD1818400046 ngày 03/07/2018, số tiền vay 540.000.000 VND, mục đích vay bổ sung phương tiện đi lại cho Ban Giám đốc, thời hạn vay 72 tháng theo ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải hình thành trong tương lai số LD1818400046 – HĐTC/2018 ngày 03/07/2018, tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD ECOSPORT mới 100%, số khung RL05BSD7MJR70433, số máy XZJGJJ70433, biển kiểm soát 30F – 247.71, giá trị tài sản đảm bảo là 686.000.000 VND.

(b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc dân – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng vay số 015/17/HĐCV-9214 ngày 9/6/2017, số tiền vay là 1.830.000.000 VND, mục đích sử dụng vay thanh toán tiền mua xe TOYOTA LAND CRUISER PARADO TXL theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 14410517/THD-HDMB ngày 27/5/2017 ký giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang và Công ty TNHH Toyota Hà Đông, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất theo thỏa thuận tại kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là xe TOYOTA LAND CRUISER PARADO TXL, giá trị tài sản đảm bảo là 2.296.938.182 VND.

(c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay số 070617-3533619-01-SME ngày 8/6/2017, số tiền vay 3.000.000.000 VND, mục đích sử dụng vay thanh toán tiền mua thép theo Hợp đồng kinh tế số 2702/2017/HĐKT ngày 27/02/2017 giữa bên vay và Công ty cổ phần vật liệu xây dựng GDM và hóa đơn GTGT số 0000179 ngày 18/3/2017 của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng GDM, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, khoản vay trên được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản của bên thứ ba là Ông Trương Đình Chuẩn và Ông Lê Xuân Nghĩa.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| Số đầu năm | Kết chuyển sang    | Số cuối kỳ |
|------------|--------------------|------------|
|            | vay và nợ ngắn hạn |            |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

|  | Số đầu năm           | Kết chuyển sang<br>vay và nợ ngắn<br>hạn | Số cuối kỳ           |
|--|----------------------|--|----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng  | 1.861.682.300        | (586.683.500)                            | 1.274.998.800        |
| <i>Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương<br/>Tin - Chi nhánh Thăng Long</i>  | <i>405.000.000</i>   | <i>(45.000.000)</i>                      | <i>360.000.000</i>   |
| <i>Vay ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi<br/>nhánh Hà Nội</i>                | <i>1.042.082.300</i> | <i>(127.083.500)</i>                     | <i>914.998.800</i>   |
| <i>Vay ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh<br/>vượng - Chi nhánh Ngô Quyền</i> | <i>414.600.000</i>   | <i>(414.600.000)</i>                     | <i>-</i>             |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.861.682.300</b> | <b>(586.683.500)</b>                     | <b>1.274.998.800</b> |

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                 | Số đầu năm           | Tăng do trích<br>lập từ lợi nhuận | Chi quỹ<br>trong kỳ | Số cuối kỳ           |
|-----------------|----------------------|-----------------------------------|---------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 569.344.635          | 131.928.729                       | (89.000.000)        | 612.273.364          |
| Quỹ phúc lợi    | 590.344.635          | 131.928.729                       | -                   | 722.273.364          |
| <b>Cộng</b>     | <b>1.159.689.270</b> | <b>263.857.458</b>                | <b>(89.000.000)</b> | <b>1.334.546.728</b> |

**16. Vốn chủ sở hữu***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

|                              | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                   |
|------------------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước             | 260.000.000.000              | 924.283.892              | 19.139.246.017                       | 280.063.529.909        |
| Trả cổ tức bằng cổ<br>phiếu  | 12.999.900.000               | -                        | (12.999.900.000)                     | -                      |
| Lợi nhuận trong năm<br>trước | -                            | -                        | 5.277.149.154                        | 5.277.149.154          |
| Trích lập các quỹ            | -                            | 1.437.094.648            | (2.155.641.972)                      | (718.547.324)          |
| Thù lao HDQT, BKS            | -                            | -                        | (285.000.000)                        | (285.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>  | <b>272.999.900.000</b>       | <b>2.361.378.540</b>     | <b>8.975.853.199</b>                 | <b>284.337.131.739</b> |
| Số dư đầu năm nay            | 272.999.900.000              | 2.361.378.540            | 8.975.853.199                        | 284.337.131.739        |
| Lợi nhuận kỳ này             | -                            | -                        | 1.640.023.638                        | 1.640.023.638          |
| Trích lập các quỹ            | -                            | 527.714.915              | (791.572.373)                        | (263.857.458)          |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>         | <b>272.999.900.000</b>       | <b>2.889.093.455</b>     | <b>9.824.304.464</b>                 | <b>285.713.297.919</b> |

*b) Cổ phiếu*

|  | Số cuối kỳ        | Số đầu năm        |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành              | 27.299.990        | 26.000.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 27.299.990        | 26.000.000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | <i>27.299.990</i> | <i>26.000.000</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                         | <i>-</i>          | <i>-</i>          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại                   | -                 | -                 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>                      | <i>-</i>          | <i>-</i>          |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                         | <i>-</i>          | <i>-</i>          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                  | 27.299.990        | 26.000.000        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (liếp theo)**

|                      | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-------------------|-------------------|
| - Cổ phiếu phổ thông | 27.299.990        | 26.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi    | -                 | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**d) Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/TG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 04 năm 2019 như sau:

|                                  | VND           |
|----------------------------------|---------------|
| • Trích quỹ đầu tư phát triển    | : 527.714.915 |
| • Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | : 263.857.458 |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

|                             | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> |                              |
|-----------------------------|--|------------------------------|
|                             | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>             |
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 633.593.636                              | 1.896.338.182                |
| Doanh thu bán hàng hóa      | 18.442.841.940                           | 47.592.355.709               |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ  | 75.100.000                               | 112.800.000                  |
| Doanh thu bán thành phẩm    | 3.762.727.273                            | 690.339.000                  |
| <b>Cộng</b>                 | <b><u>22.914.262.849</u></b>             | <b><u>50.291.832.891</u></b> |

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

|   | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> |                              |
|---|--|------------------------------|
|   | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>             |
| Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP | -  | 2.605.209.000                |
| Công ty cổ phần tập đoàn BĐS Hoàng Gia      | -  | 5.907.436.326                |
| Công ty xây dựng Trường Giang               | 633.593.636                              | -                            |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển 299       | 15.096.881.940                           | -                            |
| Công ty Cổ phần Xe điện Việt                | 21.000.000                               | 5.533.228.800                |
| <b>Cộng</b>                                 | <b><u>15.751.475.576</u></b>             | <b><u>14.045.874.126</u></b> |

**2. Giá vốn hàng bán**

|                                 | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> |                              |
|---------------------------------|--|------------------------------|
|                                 | <u>Năm nay</u>                           | <u>Năm trước</u>             |
| Giá vốn hoạt động xây lắp       | 608.899.341                              | 894.587.531                  |
| Giá vốn hàng hóa                | 18.045.352.286                           | 45.072.510.288               |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 55.934.904                               | 55.934.904                   |
| Giá vốn bán thành phẩm          | 3.449.090.910                            | 660.567.509                  |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>22.159.277.441</u></b>             | <b><u>46.683.600.232</u></b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                | Năm nay                           | Năm trước            |
| Lãi tiền gửi                   | 27.180                            | 283.661.242          |
| Lãi tiền cho vay               | -                                 | 60.750.000           |
| Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư | 951.000.000                       | -                    |
| Lãi chậm thanh toán            | 383.092.973                       | 1.332.248.473        |
| Lãi hợp tác kinh doanh         | 1.250.030.413                     | -                    |
| <b>Cộng</b>                    | <b>2.584.150.566</b>              | <b>1.676.659.715</b> |

**4. Chi phí tài chính**

|                 | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|-----------------|-----------------------------------|--------------------|
|                 | Năm nay                           | Năm trước          |
| Chi phí lãi vay | 209.989.783                       | 272.213.207        |
| <b>Cộng</b>     | <b>209.989.783</b>                | <b>272.213.207</b> |

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí cho nhân viên            | 379.764.935                       | 361.542.769          |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | -                                 | 54.626.318           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 274.924.032                       | 217.686.456          |
| Thuế, phí và lệ phí              | 4.000.000                         | 5.688.202            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 284.948.358                       | 306.160.365          |
| Các chi phí khác                 | 77.997.794                        | 202.243.002          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>1.021.635.119</b>              | <b>1.147.947.112</b> |

**6. Chi phí khác**

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|--|-----------------------------------|-------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước         |
| Chi phí phạt chậm nộp BH, thuế             | 1.240.172                         | 395.171           |
| Khấu hao các tài sản cố định không sử dụng | 37.500.000                        | 37.500.000        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>38.740.172</b>                 | <b>37.895.171</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|--|-----------------------------------|--------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước          |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 2.068.770.900                     | 3.826.836.884      |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                                   |                    |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 74.965.408                        | 74.067.702         |
| Thuế bị phạt, bị truy thu  | 1.240.172                         | 395.171            |
| Khấu hao các tài sản cố định không sử dụng   | 37.500.000                        | 37.500.000         |
| Khấu hao ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ   | 34.846.909                        | 34.846.909         |
| Kết quả kinh doanh tại chi nhánh   | 1.378.327                         | 1.325.622          |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | -                                 | -                  |
| Thu nhập chịu thuế   | 2.143.736.308                     | 3.900.904.586      |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                               | 20%                |
| <b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>   | <b>428.747.262</b>                | <b>780.180.917</b> |

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|--|-----------------------------------|---------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước     |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 1.640.023.638                     | 3.046.655.967 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: |                                   |               |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)  | (82.001.182)                      | (152.332.798) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông  | 1.558.022.456                     | 2.894.323.169 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm   | 27.299.990                        | 27.299.990    |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>57,07</b>                      | <b>106,02</b> |

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay là số tạm trích theo 5% lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

|   | Năm nay           | Năm trước         |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                    | 27.299.990        | 27.299.990        |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b> | <b>27.299.990</b> | <b>27.299.990</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 3.485.948.705                     | 4.155.463.340        |
| Chi phí nhân công                | 379.764.935                       | 1.073.678.861        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 274.924.032                       | 217.686.456          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 344.883.262                       | 366.474.885          |
| Chi phí khác                     | 77.997.794                        | 204.061.202          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>4.563.518.728</b>              | <b>6.017.364.744</b> |

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ Doanh nghiệp phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--|-----------------------------------|----------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước            |
| Bù trừ công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán | 3.805.550.000                     | 6.565.178.488        |
| <b>Cộng</b>  | <b>3.805.550.000</b>              | <b>6.565.178.488</b> |

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

|                    | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|--------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                    | Năm nay                           | Năm trước          |
| Tiền lương, thưởng | 77.518.032                        | 161.751.523        |
| <b>Cộng</b>        | <b>77.518.032</b>                 | <b>161.751.523</b> |

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|---|-----------------------------------|---------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước     |
| <b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b> |                                   |               |
| Ông Nguyễn Cảnh Đình                    |                                   |               |
| <i>Phải thu về tạm ứng</i>              | 2.500.000.000                     | 4.860.000.000 |
| <i>Thu tiền tạm ứng</i>                 | 969.841.600                       | 1.254.000.000 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

|                            | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                  |
|----------------------------|--|------------------|
|                            | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b> |
| <b>Ban Lãnh đạo</b>        |  |                  |
| Ông Trương Đình Chuẩn      |  |                  |
| <i>Phải thu về tạm ứng</i> | -  | -                |
| <i>Thu tiền tạm ứng</i>    | 400.000.000                              | -                |
| Ông Phùng Văn Xuân         |  |                  |
| <i>Phải thu về tạm ứng</i> | 1.500.000.000                            | -                |
| <i>Thu tiền tạm ứng</i>    | -  | -                |

**B, Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>                     | <b>Mối quan hệ</b>   |
|---|--|
| Công ty Cổ phần và Dịch vụ thương mại Kim Bôi | Công ty liên kết   |
| Công ty Cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP   | Cổ đồng góp vốn  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Phú Mỹ             | Ông Nguyễn Cảnh Đình là Tổng Giám Đốc<br>Bà Nguyễn Thị Thanh Nga là Tổng giám đốc<br>kiểm chủ tịch HĐQT công ty và là vợ Ông<br>Nguyễn Cảnh Đình |
| Công ty Xây dựng Trường Giang                 | Cổ đồng  |
| Công ty cổ phần Đầu tư NHP                    | Ông Nguyễn Cảnh Đình là Chủ tịch HĐQT  |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn BDS Hoàng Gia        | Ông Nguyễn Cảnh Đình là Chủ tịch HĐQT  |
| Công ty Cổ phần Xe Điện Việt                  | Ông Nguyễn Cảnh Đình là Chủ tịch HĐQT  |

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|  | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                  |
|--|--|------------------|
|  | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b> |
| <b>Công ty Cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP</b>             |  |                  |
| Phải thu tiền mua hàng hóa                                     | -  | 2.766.729.900    |
| Phải thu tiền cho thuê diện tích thương mại, dịch vụ văn phòng | 23.100.000                               | 99.000.000       |
| Bù trừ công nợ phải trả  | 11.550.000                               | 2.865.729.900    |
| Phải trả tiền mua hàng   | -  | 590.374.260      |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Phú Mỹ</b>                       |  |                  |
| Phải thu tiền chậm thanh toán                                  | -  | 385.925.000      |
| Thu tiền hợp tác đầu tư  | -  | 7.000.000.000    |
| <b>Công ty Xây dựng Trường Giang</b>                           |  |                  |
| Phải thu giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành                 | 696.953.000                              | -                |
| Phải thu tiền chậm thanh toán                                  | 383.092.973                              | 946.323.473      |
| Thu hồi công nợ  | 3.117.000.000                            | 749.000.000      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

|  | <b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                  |
|--|--|------------------|
|  | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b> |
| <b>Công ty Cổ phần Tập đoàn BĐS Hoàng Gia</b>  |  |                  |
| Phải thu giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành | -  | 6.498.179.958    |
| Thu hồi công nợ                                | -  | 240.000.000      |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển 299</b>   |  |                  |
| Phải thu tiền mua thép xây dựng                | 16.606.570.134                           | -                |
| Trả tiền mua hàng                              | 11.823.760.000                           | -                |
| <b>Công ty Cổ phần Xe Điện Việt</b>            |  |                  |
| Phải thu tiền mua thép xây dựng                | -  | 6.086.551.680    |
| Thu tiền hàng                                  | -  | 4.050.000.000    |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.11.

10/02  
C  
BÁCH  
KIẾ  
NHẬP  
TNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc.

| Năm nay   | Lĩnh vực xây dựng  |                       | Lĩnh vực thương mại |                      | Lĩnh vực dịch vụ        |                         | Lĩnh vực bán thành phẩm |  | Cộng |
|---|--------------------|-----------------------|---------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|--|------|
|   | Lĩnh vực xây dựng  | Lĩnh vực thương mại   | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ     | Lĩnh vực bán thành phẩm | Lĩnh vực bán thành phẩm | Lĩnh vực bán thành phẩm |  |      |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 633.593.636        | 18.442.841.940        | 75.100.000          | 3.762.727.273        | 22.914.262.849          |                         |                         |  |      |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận                    |                    |                       |                     |                      |                         |                         |                         |  |      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                         | <b>633.593.636</b> | <b>18.442.841.940</b> | <b>75.100.000</b>   | <b>3.762.727.273</b> | <b>22.914.262.849</b>   |                         |                         |  |      |
| Chi phí bộ phận   | (608.899.341)      | (18.045.352.286)      | (55.934.904)        | (3.449.090.910)      | (22.159.277.441)        |                         |                         |  |      |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 24.694.295         | 397.489.654           | 19.165.096          | 313.636.363          | 754.985.408             |                         |                         |  |      |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                    |                       |                     |                      | (1.021.635.119)         |                         |                         |  |      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                    |                       |                     |                      | (266.649.711)           |                         |                         |  |      |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                    |                       |                     |                      | 1.334.120.153           |                         |                         |  |      |
| Chi phí tài chính   |                    |                       |                     |                      | (209.989.783)           |                         |                         |  |      |
| Thu nhập khác   |                    |                       |                     |                      | 1.250.030.413           |                         |                         |  |      |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                    |                       |                     |                      | (38.740.172)            |                         |                         |  |      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                     |                    |                       |                     |                      | <b>(428.747.262)</b>    |                         |                         |  |      |
|   |                    |                       |                     |                      | <b>1.640.023.638</b>    |                         |                         |  |      |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b> | <b>18.022.298</b>  | <b>524.598.686</b>    | <b>2.136.187</b>    | <b>107.029.155</b>   | <b>651.786.326</b>      |                         |                         |  |      |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>                   | <b>13.426.706</b>  | <b>390.828.752</b>    | <b>1.591.471</b>    | <b>79.737.277</b>    | <b>485.584.206</b>      |                         |                         |  |      |



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

#### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <u>Từ 1 năm<br/>trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm<br/>đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u>           |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối kỳ</b>       |                               |                                 |                   |                       |
| Vay và nợ               | 1.345.417.096                 | 1.274.998.800                   | -                 | 2.620.415.896         |
| Phải trả người bán      | 15.456.529.218                | -                               | -                 | 15.456.529.218        |
| Các khoản phải trả khác | 2.539.256.883                 | -                               | -                 | 2.539.256.883         |
| <b>Cộng</b>             | <b>19.341.203.197</b>         | <b>1.274.998.800</b>            | <b>-</b>          | <b>20.616.201.997</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                               |                                 |                   |                       |
| Vay và nợ               | 1.484.342.092                 | 1.861.682.300                   | -                 | 3.346.024.392         |
| Phải trả người bán      | 16.746.212.161                | -                               | -                 | 16.746.212.161        |
| Các khoản phải trả khác | 2.575.435.692                 | -                               | -                 | 2.575.435.692         |
| <b>Cộng</b>             | <b>20.805.989.945</b>         | <b>1.861.682.300</b>            | <b>-</b>          | <b>22.667.672.245</b> |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### C. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

##### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

|                                    | Giá trị sổ sách        |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                    | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                        |                        |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 296.775.833            | 1.286.523.627          | 296.775.833            | 1.286.523.627          |
| Phải thu khách hàng                | 52.868.945.299         | 60.546.100.805         | 52.868.945.299         | 60.546.100.805         |
| Các khoản phải thu khác            | 56.750.567.313         | 6.190.378.500          | 56.750.567.313         | 6.190.378.500          |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 134.345.880.005        | 179.474.880.005        | 134.345.880.005        | 179.474.880.005        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>244.262.168.450</b> | <b>247.497.882.937</b> | <b>244.262.168.450</b> | <b>247.497.882.937</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>       |                        |                        |                        |                        |
| Vay và nợ                          | 2.620.415.896          | 3.346.024.392          | 2.620.415.896          | 3.346.024.392          |
| Phải trả người bán                 | 15.456.529.218         | 16.746.212.161         | 15.456.529.218         | 16.746.212.161         |
| Các khoản phải trả khác            | 2.539.256.883          | 2.575.435.692          | 2.539.256.883          | 2.575.435.692          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>20.616.201.997</b>  | <b>22.667.672.245</b>  | <b>20.616.201.997</b>  | <b>22.667.672.245</b>  |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này đo có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG GIANG**

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà SME Hoàng gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2019

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Khuất Thu Hương**

**Khuất Thu Hương**

**Phùng Văn Xuân**

